

Phụ lục 01
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 35 NĂM 2025
(Từ ngày 27/8 đến hết ngày 02/09/2025)

TT	Khu vực		Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		Sốt phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	26	0	5	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	21	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	235	0	23	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	<i>a</i>	14	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	47	0	5	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	21	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	76	0	12	0	0	0	755	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	106	0	15	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	6	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	6	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	59	0	7	0	0	0	110	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	4	0	1	0	0	0	120	0
10	Kbang	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	4	0	15	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	3	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	0	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	39	0	3	0	0	0	320	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	8	0	0	0	95	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	162	0	8	0	0	0	303	0
15	Pleiku	<i>a</i>	10	0	0	0	0	0	1	0
		<i>b</i>	220	0	39	0	0	0	327	0
16	An Khê	<i>a</i>	1	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	20	0	31	0	0	0	7	0
17	Ayun Pa	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	32	0	4	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	<i>a</i>	4	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	121	0	56	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	<i>a</i>	6	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	100	0	56	0	0	0	49	0
20	An Nhơn	<i>a</i>	4	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	112	0	36	0	0	0	47	0

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
21	Phù Cát	a	2	0	0	0	0	0	0	0
		b	70	0	16	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	6	0	0	0	0	0	0	0
		b	109	0	17	0	0	0	31	0
23	Hoài Nhơn	a	8	0	0	0	0	0	0	0
		b	146	0	57	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	45	0	26	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	75	0	21	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	12	0	33	0	0	0	2	0
27	An Lão	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	21	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	30	0	9	0	0	0	33	0
	Ngoại lai	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
	Toàn tỉnh	a	122	0	4	0	0	0	1	0
		b	1.898	0	526	0	0	0	4.126	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02

TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 35 NĂM 2025

(Từ ngày 27/8 đến hết ngày 02/09/2025)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bông Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhơn	Phù Cát
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	47.975	5.203	2.834	78	136	1.027	1.074	2	1.190	1.710	3.078
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	39.173	4.094	2.558	64	50	896	394	2	1.132	1.628	2.665
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	2.986	184	323	78	-	-	-	174	49	19	228
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	7.058	720	403	-	1	58	174	272	118	181	200
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	15.061	1.593	981	37	57	151	834	727	502	703	1.267
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	1.342	44	91	-	-	-	12	19	57	103	133
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		194	43	60	-	-	-	10	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1.146	-	31	-	-	-	2	19	57	103	133
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	8.515	1.474	532	323	39	48	252	249	197	215	217
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	7.669	1.417	519	315	39	43	136	239	194	202	213
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	753	175	9	323	-	39	-	3	41	11	34
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	1.689	198	70	3	-	2	-	49	18	53	38
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	2.872	990	157	137	20	5	169	52	93	62	100
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	374	43	18	1	4	-	3	2	3	21	19
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		77	29	1		-	-	3	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	287	4	17	1	4	-	-	2	3	21	19
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	48.261	9.716	2.752	1.617	412	1.051	207	2	794	1.350	1.574
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	7.804	1.474	488	126	49	65	245	220	120	242	248
6.1	Số điều trị khỏi	"	3.034	614	294	-	10	-	206	98	26	108	82
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	4.208	705	157	121	35	65	36	114	89	112	142
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	348	122	18	4	-	-	-	6	2	19	6
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	197	31	19	1	4	-	3	2	3	3	18
6.5	Số tử vong	"	10	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	21.061	3.737	2.211	49	97	995	810	2	1.068	1.225	2.498
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	754	104	20	15	-	16	4	3	-	5	20
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	181.201	18.685	13.266	340	679	27.860	4.050	25	12.741	17.308	35.718
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	10.117	2.091	120	146	-	448	20	116	-	40	112
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	158.666	89.412	4.822	230	469	684	363	4	924	1.729	1.043
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	103.414	72.536	3.273	230	320	684	363	2	458	702	424
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	8.905	1.046	616	42	126	28	41	563	347	198	606
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2.591	697	210	35	41	21	6	125	28	20	81
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	1.872	740	204	-	9	-	-	35	-	8	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1.008	586	137	-	7	-	-	27	-	8	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	12.027	1.621	613	13	12	25	102	459	123	242	44
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	3.766	1.080	282	12	11	25	97	143	15	48	24
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	4.113	688	385	27	11	164	-	235	60	188	314
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2.066	511	240	25	9	103	-	89	35	104	140

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Phù Mỹ	Hoài Ân (*)	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình (*)	Bình Định	Thu Phúc	Mắt SG-Quy Nhơn
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	160	180	250	60	60	130	90	335	55	21
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.114		789	1.208	257	221	567		2.283	355	406
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	923		779	1.067	231	200	533		1.239	333	304
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	56		62	98	45	11	1		21	1	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	103		91	79	36	25	50		345		48
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	466		327	488	86	72	169		206		233
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	83		40	43	11	26	29		6	3	-
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-		-	-	-		-		-		-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	83		40	43	10	26	29		6	3	-
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	136		128	244	37	41	83		220		126
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	129		128	232	34	40	80		198		121
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	5		12	18	1	1	1		-		-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	31		7	10	1	5	15		54		-
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	44		38	122	14	3	47		30		112
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	30		10	24	6	2	15		8		-
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-		-	-	-		-		-		-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	30		10	24	6	2	15		8		-
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.397		690	797	292	211	454		1.214		126
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	170		51	128	45	43	89		318		126
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	52		29	44	12	13	32		166		122
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	86		13	52	27	26	41		144		-
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	3		6	8	-	3	3		8		4
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	29		3	24	6	1	13		-		-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-		-	-	-	-	-		-		-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-		-	-	-		-		-		-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	978		6	1.046	184	138	426		1.340	352	280
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-		6	3	-	12	8		7	1	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	4.890		6	5.230	1.270	1.853	55		16.328	5.032	280
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-		6	91	-	33	8		40	38	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.450		1.449	462	255	210	478		7.633	670	468
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	489		452	124	66	67	235		2.539		468
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	124		204	134	42	40	60		448	6	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	32		29	31	19	7	13		115		-
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-		-	12	16		-		160	4	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	-		-	6	5		-		37		-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	143		190	80	8	24	70		1.313	97	10
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	35		38	18	3	6	18		270		10
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	195		95	66	13	8	32		266	26	31
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	59		49	29	1	4	22		80		31

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng GL	BVDK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&BP Pleiku	Tâm TK Pleiku	331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Puh	Chư Sê
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	4.065	1.000	350	130	70	80	120	75	65	50	130
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	24.443	3.417	753	86	20	313	445	255	398	222	1.188
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	20.081	3.038	554	82	15	289	366	235	360	212	1.110
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	1.636	103	-	86	-	-	1	21	243	-	160
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	4.154	34	731	1	-	12	75	29	57	40	239
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	6.162	1.455	-	34	7	35	135	80	101	68	315
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	642	53	8	2	1	-	4	17	21	32	37
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		81	39	8	-	1	-	-	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	561	14	-	2	-	-	4	17	21	32	37
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	3.954	609	283	26	42	70	61	33	59	46	163
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	3.390	514	168	26	41	67	61	32	54	35	156
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	80	15	-	26	-	-	-	4	10	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	1.135	17	274	1	1	2	17	5	16	19	72
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	677	150	-	11	10	1	20	8	9	8	31
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	165	14	3	-	3	-	2	1	-	3	10
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		44	11	3	-	2	-	-	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	121	3	-	-	1	-	2	1	-	3	10
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	23.605	4.139	1.925	1.004	306	2.439	240	262	376	167	611
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	3.557	623	260	55	17	5	54	35	50	42	136
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	1.126	71	166	-	-	-	8	13	41	33	-
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	2.243	510	84	54	17	5	42	21	9	10	136
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	136	25	4	1	-	-	-	1	-	2	-
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	37	15	4	-	-	-	2	-	-	-	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	8	2	2	-	-	-	-	-	-	1	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	6	-	2	-	-	-	-	-	-	1	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	3.619	1.681	-	60	10	297	384	25	1	-	5
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	530	186	-	11	-	-	23	25	1	-	5
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	15.585	5.981	-	208	109	-	424	31	-	-	30
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	6.808	4.486	-	208	-	-	40	31	-	-	30
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	45.911	5.970	1.446	112	202	24	473	143	404	394	588
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	19.982	4.250	1.284	105	191	15	143	67	185	43	306
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	4.234	495	265	26	10	-	142	34	45	-	99
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	1.081	159	200	22	7	-	36	11	4	-	12
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	684	194	-	-	1	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	195	47	-	-	1	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	6.838	828	210	8	5	-	112	46	64	34	250
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	1.631	387	121	8	2	-	44	10	13	5	27
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	1.309	173	4	9	8	4	23	4	8	-	67
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	535	17	2	9	8	4	10	2	2	-	19

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện	TX An Khê
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	105	50	90	70	65	110	65	95	75	85	160
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	547	222	590	430	401	494	62	717	456	707	900
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	527	209	543	382	280	401	47	612	373	614	773
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	88	8	222	74	59	94	6	-	4	35	22
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	79	47	111	58	75	71	12	147	56	255	121
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	163	54	126	127	62	138	12	126	110	155	287
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	45	6	49	42	9	25	1	62	56	36	26
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	-	22	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	45	6	49	42	9	25	1	40	56	36	26
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	91	49	85	50	54	109	55	133	45	222	169
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	76	48	72	44	53	102	53	122	39	171	153
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	6	-	-	2	-	-	-	2	1	2	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	22	23	35	14	18	34	11	32	8	72	54
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	14	8	17	11	5	14	6	22	9	47	36
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	3	-	26	-	4	10	14	26	6	9	5
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	-	19	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	3	-	26	-	4	10	14	7	6	9	5
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	476	274	479	238	186	604	149	556	179	788	611
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	88	33	55	44	46	117		123	45	158	135
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	56	24	-	33	16	57	2	68	30	67	47
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	28	9	53	11	26	48	29	25	11	86	79
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	4	-	2	-	4	8	1	27	4	6	4
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	-	-		-	-	4	-	-	-	1	5
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	-		-	-	-	-	-	-	1	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-		-	-	-	-	-	-	1	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	10	7	-	2	1	3	-	432	15	18	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	2	7	-	2	1	3	-	5	15	18	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	42	27	282	17	94	232	11	2.160	52	49	9
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	10	27	282	-	7	22	1	-	52	7	8
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	643	171	310	385	471	807	10	310	252	920	1.122
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	115	23	91	115	118	181	5	158	66	449	210
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	94	42	42	48	39	158	-	58	39	90	155
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	9	-	4	4	2	30	-	5	4	10	21
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12
12	Tổng số siêu âm	Lượt	82	51	110	48	86	92	14	131	41	129	136
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	26	7	13	6	10	16	5	34	8	18	23
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	3	14	10	-	-	14	-	3	9	47	50
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	1	-	8	-	-	5	-	3	5	33	23

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	TX Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	790	2.184	3.382	3.786	981		149	151	397
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	622	2.055	1.614	3.351	730		149	150	388
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	6	287	-	117	-		-	-	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	153	183	452	804	200		2	19	91
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	154	770	793	477	223		13	50	92
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	10	60	10	3	3		5	9	10
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	7	1	3		-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	10	60	3	2	-		5	9	10
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	242	180	440	437	80		8	21	92
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	174	173	383	390	69		8	20	86
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	-	6	-	6	-		-	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	77	34	128	117	3		-	7	22
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	30	21	79	61	27		3	4	15
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	7	2	7	7	1		-	1	1
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	3	5	1		-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	7	2	4	2	-		-	1	1
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	995	862	2.250	2.423	250		35	324	457
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	254	95	441	433	78			44	91
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	50	76	2	235	-			-	31
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	143	17	428	188	80			43	51
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	15	2	9	6	2			1	8
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	3	-	2	1	-		-	-	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	1	-	-	-	-		-	-	1
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	1	-	-	-	-		-	-	1
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	7	200	157	304	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	7	65	53	101	-		-	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	655	1.437	1.451	2.284	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	7	1.437	52	101	-		-	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.191	1.316	10.187	16.971	492		167	83	347
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	168	174	3.269	7.576	492		7	26	150
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	55	311	681	1.221	-		-	21	64
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	7	11	142	371	-		-	5	5
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	10	-	91	347	-		-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	1	-	13	121	-		-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	138	148	1.392	2.411	139		17	36	80
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	27	6	241	507	39		4	10	14
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	8	7	197	574	68		-	-	5
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	7	3	34	269	68		-	-	3

(*): Đơn vị không báo cáo